

Số: 14/2021/TTr-HDQT-VFS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;

Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt và các thay đổi của Pháp luật theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát, xem xét ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty, chi tiết tại Phụ lục đính kèm tờ trình.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát dựa trên tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định mới của Luật hiện hành. Quy trình này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)**

TRẦN ANH THẮNG

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/VFS/NQ-ĐHĐCĐ ngày... tháng... năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát để thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Ban kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu sự điều chỉnh của quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát làm việc trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty và chỉ làm những việc theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

1. VFS/Công ty : Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt
2. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
3. BKS : Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt
4. HĐQT : Hội đồng quản trị Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt
5. CT.HĐQT : Chủ tịch Hội đồng quản trị
6. TGD : Tổng Giám đốc
7. KSV : Thành viên ban kiểm soát/kiểm soát viên
8. Điều lệ : Điều lệ đang có hiệu lực của Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt trong từng thời kỳ
9. Luật doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020

Các từ ngữ khác được sử dụng trong quy chế này cũng có nghĩa tương ứng như trong điều lệ của VFS và các văn bản pháp luật hiện hành.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thành viên BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của VFS có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên BKS.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. BKS có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên BKS từng thời kỳ theo quy định tại Điều lệ và không trái với quy định của pháp luật.

2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

2. Trưởng Ban kiểm soát của VFS không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác;

3. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định tại quy chế này;

4. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp BKS;

5. Thay mặt BKS triệu tập HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật;

6. Giám sát, chỉ đạo các thành viên BKS trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;

7. Có thể tham dự các cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

8. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số;

9. Quyền và nghĩa vụ khác của Trường BKS (nếu có) do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 (một) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 02 (hai) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 03 (ba) người vào Ban kiểm soát; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử số lượng người vào đủ số thành viên Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do BKS và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ (nếu có).

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ theo pháp luật quy định.

14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị CT.HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn

bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.

23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

24. Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- c) Báo cáo của Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện.

2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. BKS phải họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm, BKS có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của BKS đều phải có sự chuẩn bị trước về nội dung. Trưởng BKS căn cứ vào mục đích cuộc họp phân công cho các kiểm soát viên, bộ phận giúp việc cho BKS (nếu có) chuẩn bị nội dung, tài liệu cho cuộc họp. Thông báo mời họp được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc bằng phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến địa chỉ, thông tin liên lạc của từng KSV được đăng ký tại VFS. Trưởng BKS hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các KSV.

2. Cuộc họp của BKS được tiến hành khi số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS trở lên. Trong trường hợp không thể tham dự họp, KSV có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho BKS trước khi họp hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên BKS. Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản

3. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên ban Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng bằng tiếng Việt. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp của BKS phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VFS.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.

4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, ban Giám đốc/Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Trưởng BKS và Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ và phù hợp với pháp luật hiện hành. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS.

2. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên BKS của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của thành viên BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT. Đồng thời BKS và HĐQT phải phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Trưởng BKS/thành viên BKS có thể tham dự trong các phiên họp của HĐQT, có quyền phát biểu ý kiến, đề xuất và kiến nghị nhưng không có quyền biểu quyết.

3. BKS có trách nhiệm thông báo kịp thời kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra, kiểm soát và đưa ra những kiến nghị cần thiết (nếu có) đến HĐQT theo quy định. Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT xem xét quyết định xử lý đối với các kết luận của BKS. BKS theo dõi việc thực hiện của các cá nhân, bộ phận trong Công ty theo các kiến nghị của mình, các kết luận và xử lý của HĐQT.

Điều 22. Mối quan hệ với ban Tổng giám đốc Công ty, bộ phận khác trong Công ty

1. BKS là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban Tổng Giám đốc. BKS trong quá trình làm việc với ban Tổng Giám đốc phải giữ vững tính độc lập, khách quan đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của BKS.

3. Ban Tổng Giám đốc (Ban điều hành) của Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Sửa đổi và bổ sung quy chế

1. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt có thay đổi chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định mới của pháp luật trái với những Điều Khoản trong bản Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và Điều chỉnh hoạt động của BKS cho đến khi có Quy chế sửa đổi bổ sung/thay thế.

2. Các thành viên BKS có quyền đề xuất các nội dung cần sửa đổi bổ sung, trưởng BKS tổng hợp, điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật từng thời kỳ và hoạt động của VFS. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế này phải được thông qua tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)